

CHƯƠNG 28

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

(Bản dịch không chính thức của Vụ Pháp chế, Bộ Công Thương)

CHƯƠNG 28

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

Mục A: Giải quyết tranh chấp

Điều 28.1: Định nghĩa

Nhằm mục đích của Chương này:

Bên khởi kiện nghĩa là bên yêu cầu thành lập hội đồng trọng tài theo Điều 28.7.1 (Thành lập Hội đồng trọng tài);

Bên tham vấn nghĩa là bên yêu cầu tham vấn theo Điều 28.5.1 (Tham vấn) và bên nhận được yêu cầu tham vấn;

Bên tranh chấp nghĩa là bên khởi kiện hoặc bên bị kiện;

Hội đồng trọng tài nghĩa là hội đồng trọng tài được thành lập theo Điều 28.7 (Thành lập Hội đồng trọng tài);

hàng hóa dễ hỏng nghĩa là hàng nông sản và thủy sản dễ hư hỏng theo phân loại trong các Chương từ 1 đến 24 Danh mục HS;

Bên bị kiện nghĩa là bên đã bị khởi kiện theo Điều 28.7.1 (Thành lập Hội đồng Trọng tài);

Các Quy tắc về Thủ tục nghĩa là các quy tắc được đề cập tại Điều 28.12 (Các Quy tắc về Thủ tục của Hội đồng Trọng tài) và được xây dựng phù hợp với Điều 27.2.1(e) (Các Chức năng của Hội đồng); và

Bên thứ ba nghĩa là bên không phải bên tranh chấp mà gửi bản thông báo theo Điều 28.13 (Sự Tham gia của Bên thứ ba).

Điều 28.2: Hợp tác

Các Bên tại bất kỳ thời điểm nào sẽ nỗ lực để thỏa thuận về việc giải thích và áp dụng Hiệp định này, và sẽ cố gắng thông qua hợp tác và tham vấn để đạt được giải pháp thỏa đáng lẫn nhau về bất kỳ vấn đề nào có thể ảnh hưởng đến việc thực thi Hiệp định.

Điều 28.3: Phạm vi

1. Trừ khi được quy định khác trong Hiệp định, các quy định của Chương này sẽ áp dụng:

- (a) nhằm ngăn ngừa hoặc giải quyết mọi tranh chấp giữa các Bên liên quan đến việc giải thích hoặc áp dụng Hiệp định;
- (b) khi một Bên cho rằng một biện pháp được đề xuất hoặc được áp dụng của Bên kia là hoặc có thể không phù hợp với các nghĩa vụ của Hiệp định hoặc Bên kia đã không thực hiện nghĩa vụ của mình theo Hiệp định; hoặc
- (c) khi một Bên cho rằng lợi ích mà mình có lí do để mong đợi nhận được theo Chương 2 (Đối xử Quốc gia và Tiếp cận Thị trường Hàng hóa), Chương 3 (Quy tắc Xuất xứ và Các Thủ tục Xuất xứ), Chương 4 (Dệt may), Chương 5 (Quản lý Hải quan và Thuận lợi hóa Thương mại), Chương 8 (Các Hàng rào Kỹ thuật trong Thương mại), Chương 10 (Thương mại Dịch vụ Xuyên-Biên giới) hoặc Chương 15 (Mua sắm Chính phủ) bị triệt tiêu hoặc xâm hại do việc Bên kia áp dụng một biện pháp không trái với Hiệp định.

2. Không muộn hơn sáu tháng sau ngày mà các Thành viên của WTO có quyền khởi xướng khiếu kiện không vi phạm theo Điều 64 Hiệp định TRIP, các Bên sẽ xem xét việc sửa đổi điểm 1(c) để bao gồm Chương 18 (Các Quyền Sở hữu Trí tuệ).

3. Một văn kiện được tham gia bởi hai hoặc nhiều Bên liên quan tới việc ký kết Hiệp định:

- (a) không trở thành văn kiện liên quan đến Hiệp định này theo nghĩa của Điều 31(2)(b) của Công ước Viên về Luật Điều ước được thông qua tại Viên vào ngày 23 tháng 5 năm 1969 và sẽ không ảnh hưởng đến quyền và nghĩa vụ theo Hiệp định của các Bên không chịu sự điều chỉnh của văn kiện cụ thể; và
- (b) có thể chịu sự điều chỉnh của các thủ tục giải quyết tranh chấp theo Chương này về bất kỳ vấn đề phát sinh từ văn kiện đó nếu văn kiện quy định như vậy.

Điều 28.4: Lựa chọn Diễn đàn

1. Nếu một tranh chấp về bất kỳ vấn đề nào phát sinh từ Hiệp định và từ hiệp định thương mại quốc tế khác mà các Bên tranh chấp là thành viên, bao gồm Hiệp định WTO, Bên khởi kiện có thể lựa chọn diễn đàn để giải quyết tranh chấp.
2. Một khi Bên khởi kiện đã yêu cầu thành lập, hoặc đưa một vấn đề lên, hội đồng trọng tài hoặc một tòa trọng tài khác theo một hiệp định nêu tại khoản 1, diễn đàn được lựa chọn sẽ được sử dụng để loại trừ các diễn đàn khác.

Điều 28.5: Tham vấn

1. Một Bên có thể yêu cầu tham vấn với Bên khác về bất kỳ vấn đề nào được quy định tại Điều 28.3 (Phạm vi). Bên yêu cầu tham vấn sẽ gửi yêu cầu tham vấn và nêu rõ lý do tham vấn, bao gồm việc xác định cụ thể biện pháp dự kiến áp dụng¹ hoặc biện pháp được áp dụng hoặc các vấn đề khác đang tranh cãi và chỉ rõ cơ sở pháp lý của việc khiếu kiện. Bên yêu cầu tham vấn sẽ chuyển yêu cầu tham vấn đến cho tất cả các Bên thông qua các đầu mối liên lạc được chỉ định theo Điều 27.5 (Đầu mối liên lạc).
2. Bên được yêu cầu tham vấn sẽ, trừ khi có thỏa thuận khác, trả lời yêu cầu tham vấn bằng văn bản trong vòng bảy ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu tham vấn. Bên được yêu cầu tham vấn sẽ chuyển bản trả lời của mình cho các Bên khác và tiến hành tham vấn một cách thiện chí.
3. Một Bên ngoài các Bên tham vấn mà cho rằng họ có lợi ích đáng kể liên quan có thể tham gia tham vấn bằng cách gửi một thông báo bằng văn bản đến các Bên khác trong vòng bảy ngày kể từ ngày yêu cầu tham vấn được đưa ra. Bên đó sẽ gửi kèm trong thông báo của mình một bản giải thích về lợi ích đáng kể có liên quan của họ.
4. Trừ khi có thỏa thuận khác, các Bên tham vấn sẽ tham gia tham vấn trong thời hạn không quá:
 - (a) 15 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu về các vấn đề liên quan đến hàng hóa dễ hỏng; hoặc
 - (b) 30 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu về tất cả các vấn đề khác.
5. Tham vấn có thể được tiến hành trực tiếp hoặc thông qua các phương tiện

¹ Các Bên sẽ, trong trường hợp biện pháp dự kiến áp dụng, nỗ lực để đưa ra yêu cầu theo quy định này trong vòng 60 ngày kể từ ngày công bố biện pháp dự kiến áp dụng, mà không ảnh hưởng đến quyền đưa ra yêu cầu tại bất kỳ thời điểm nào.

công nghệ sẵn có của các Bên tham vấn. Trong trường hợp tham vấn trực tiếp, tham vấn sẽ được tiến hành tại thủ đô của Bên được tham vấn theo khoản 1, trừ khi các Bên có thỏa thuận khác.

6. Các Bên tham vấn sẽ nỗ lực để đạt được giải pháp thỏa đáng cho các Bên về vấn đề bất đồng thông qua tham vấn theo Điều này. Để đạt được điều này:

- (a) mỗi Bên tham vấn sẽ cung cấp đầy đủ thông tin cho việc xem xét toàn diện biện pháp đang áp dụng hoặc dự kiến áp dụng có thể ảnh hưởng như thế nào đến sự vận hành hoặc việc áp dụng của Hiệp định; và
- (b) tất cả các Bên tham gia tham vấn sẽ giữ gìn các thông tin mật được trao đổi trong quá trình tham vấn ở mức độ tương đương với Bên cung cấp thông tin.

7. Trong quá trình tham vấn theo Điều này, một Bên tham vấn có thể yêu cầu Bên tham vấn khác cử cán bộ của cơ quan chính phủ hoặc các cơ quan hành pháp khác của Bên đó mà có chuyên môn về vấn đề tham vấn.

8. Tham vấn sẽ được bảo mật và không làm ảnh hưởng đến các quyền của bất kỳ Bên nào trong bất kỳ một quy trình tố tụng tiếp theo nào.

Điều 28.6: Môi giới, Trung gian và Hòa giải

1. Các Bên có thể ở bất kỳ thời điểm nào thỏa thuận để tự nguyện tiến hành một phương thức giải quyết tranh chấp thay thế, ví dụ môi giới, trung gian hoặc hòa giải.

2. Thủ tục môi giới, trung gian hoặc hòa giải sẽ được bảo mật và không làm ảnh hưởng đến các quyền của các Bên trong bất kỳ quy trình tố tụng nào khác.

3. Các Bên tham gia vào các thủ tục theo Điều này có thể tạm ngưng hoặc chấm dứt các thủ tục đó tại bất kỳ thời điểm nào.

4. Nếu các Bên tranh chấp đồng ý, môi giới, trung gian hoặc hòa giải có thể được tiếp tục ngay cả khi tranh chấp được đưa ra giải quyết trước hội đồng trọng tài được thành lập theo Điều 28.7 (Thành lập Hội đồng trọng tài).

Điều 28.7: Thành lập Hội đồng trọng tài

1. Bên yêu cầu tham vấn theo khoản 1 Điều 28.5 (Tham vấn) có thể yêu cầu, thông qua một văn bản thông báo gửi đến Bên được yêu cầu tham vấn, việc thành

lập một hội đồng trọng tài nếu các Bên tham vấn không giải quyết được vấn đề bất đồng trong vòng:

- (a) 60 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu tham vấn theo Điều 28.5.1;
- (b) 30 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu tham vấn theo Điều 28.5.1 về một vấn đề liên quan đến hàng hóa dễ hỏng; hoặc
- (c) bất kỳ thời hạn nào khác theo thỏa thuận của các Bên tham vấn.

2. Ngay khi gửi yêu cầu theo quy định tại khoản 1, Bên khởi kiện sẽ luân chuyển yêu cầu đến tất cả các Bên thông qua các đầu mối liên lạc được chỉ định theo Điều 27.5 (Đầu mối Liên lạc).

3. Bên khởi kiện sẽ nêu rõ trong yêu cầu thành lập hội đồng trọng tài biện pháp hoặc vấn đề tranh chấp và tóm tắt ngắn gọn cơ sở pháp lý của đơn kiện đủ để trình bày vấn đề một cách rõ ràng.

4. Một hội đồng trọng tài sẽ được thành lập trên cơ sở yêu cầu được gửi.

5. Trừ khi các Bên tranh chấp có thỏa thuận khác, hội đồng trọng tài sẽ được cấu thành theo cách thức phù hợp với các quy định của Chương này và Các Quy tắc về Thủ tục.

6. Nếu một hội đồng trọng tài được thành lập và một Bên khác yêu cầu thành lập hội đồng trọng tài về cùng một vấn đề, một hội đồng trọng tài duy nhất sẽ được thành lập để xem xét cả hai khiếu kiện nếu có thể.

7. Hội đồng trọng tài có thể không được thành lập để rà soát một biện pháp dự kiến áp dụng.

Điều 28.8: Điều khoản Tham chiếu

1. Trừ khi các Bên tranh chấp có thỏa thuận khác trong vòng 20 ngày kể từ ngày gửi yêu cầu thành lập hội đồng trọng tài, điều khoản tham chiếu sẽ nhằm để:

- (a) xem xét, phù hợp với các quy định liên quan của Hiệp định, vấn đề được nêu trong yêu cầu thành lập hội đồng trọng tài theo Điều 28.7.1 (Thành lập Hội đồng trọng tài); và
- (b) đưa ra kết luận và quyết định, và bất kỳ khuyến nghị được yêu cầu nào khác, và nêu rõ lý do cho các kết luận đó theo quy định tại Điều

28.16.4 (Báo cáo Ban đầu).

2. Nếu trong yêu cầu thành lập hội đồng trọng tài, Bên khởi kiện khẳng định một biện pháp triệt tiêu hoặc xâm hại các lợi ích theo nghĩa của Điều 28.3(c) (Phạm vi), điều khoản tham chiếu cũng sẽ nêu rõ như vậy.

Điều 28.9: Thành phần của Hội đồng Trọng tài

1. Hội đồng trọng tài sẽ bao gồm ba thành viên.

2. Trừ khi các Bên tranh chấp thỏa thuận khác, các thủ tục sau đây sẽ được áp dụng để chọn hội đồng trọng tài:

- (a) Trong vòng 20 ngày kể từ ngày gửi yêu cầu thành lập hội đồng trọng tài theo Điều 28.7.1 (Thành lập Hội đồng trọng tài), Bên khởi kiện và Bên bị kiện mỗi Bên sẽ chỉ định một trọng tài viên và thông báo cho nhau về việc chỉ định này.
- (b) Nếu Bên khởi kiện không chỉ định được trọng tài viên trong thời hạn quy định tại điểm (a), quy trình giải quyết tranh chấp sẽ chấm dứt khi hết thời hạn đó.
- (c) Nếu Bên bị kiện không chỉ định được trọng tài viên trong thời hạn quy định tại điểm (a), Bên khởi kiện sẽ chọn trọng tài viên chưa được chỉ định:
 - (i) từ danh sách của Bên bị kiện được lập theo Điều 28.10.11 (Trình độ chuyên môn của Trọng tài viên và các Thành viên Danh sách); hoặc
 - (ii) nếu Bên bị kiện chưa lập danh sách theo Điều 28.10.11 (Trình độ chuyên môn của Trọng tài viên và các Thành viên Danh sách), từ danh sách chủ tịch hội đồng trọng tài được lập theo Điều 28.10.3 (Trình độ chuyên môn của Trọng tài viên và các Thành viên Danh sách); hoặc
 - (iii) nếu danh sách chủ tịch hội đồng trọng tài chưa được lập theo Điều 28.10.3 (Trình độ chuyên môn của Trọng tài viên và các Thành viên Danh sách), thông qua việc lựa chọn ngẫu nhiên từ danh sách ba ứng cử viên được đề cử bởi Bên khởi kiện,

trong vòng 35 ngày kể từ ngày gửi yêu cầu thành lập hội đồng trọng tài theo Điều 28.7.1 (Thành lập Hội đồng trọng tài).

- (d) Để chỉ định chủ tịch hội đồng trọng tài:
- (i) Các Bên tranh chấp sẽ nỗ lực thỏa thuận về việc chỉ định chủ tịch hội đồng trọng tài;
 - (ii) nếu các Bên tranh chấp không chỉ định được chủ tịch theo điểm (d)(i), vào thời điểm trọng tài viên thứ hai được chỉ định hoặc trong vòng 35 ngày kể từ ngày gửi yêu cầu thành lập hội đồng trọng tài theo Điều 28.7.1 (Thành lập Hội đồng trọng tài), bất kỳ thời hạn nào dài hơn, hai trọng tài viên đã được chỉ định sẽ, theo thỏa thuận, chỉ định trọng tài viên thứ ba từ danh sách được lập theo Điều 28.10.3 (Trình độ chuyên môn của Trọng tài viên và các Thành viên Danh sách). Trọng tài viên thứ ba là người sẽ giữ vị trí chủ tịch hội đồng trọng tài.
 - (iii) Nếu hai trọng tài viên không thỏa thuận được về việc chỉ định trọng tài viên thứ ba theo điểm (d)(ii) trong vòng 43 ngày kể từ ngày gửi yêu cầu thành lập hội đồng trọng tài theo Điều 28.7.1 (Thành lập Hội đồng trọng tài), hai trọng tài viên sẽ tiến hành việc chỉ định theo thỏa thuận của các Bên tranh chấp.
 - (iv) Nếu hai trọng tài viên không chỉ định được chủ tịch hội đồng trọng tài theo điểm (d)(iii) trong vòng 55 ngày kể từ ngày gửi yêu cầu thành lập hội đồng trọng tài, các Bên tranh chấp sẽ chọn chủ tịch thông qua việc lựa chọn ngẫu nhiên từ danh sách được lập theo Điều 28.10.3 (Trình độ chuyên môn của Trọng tài viên và Thành viên Danh sách) trong vòng 60 ngày kể từ ngày gửi yêu cầu thành lập hội đồng trọng tài.
- (ivbis) Bất kể quy định của điểm 9.2(d)(iv), nếu hai trọng tài viên không chỉ định được chủ tịch hội đồng trọng tài theo điểm 9.2(d)(iii) trong vòng 55 ngày kể từ ngày gửi yêu cầu thành lập hội đồng trọng tài, bất kỳ Bên tranh chấp nào cũng có thể bầu chọn chủ tịch được chỉ định bởi một bên thứ ba độc lập từ danh sách được lập theo Điều 28.10.3 (Trình độ chuyên môn của Trọng tài viên và Thành viên Danh sách), nếu đáp ứng các điều kiện sau đây:

- A. Bất kỳ chi phí nào liên quan đến việc chỉ định sẽ do bên bầu chọn chịu.
 - B. Yêu cầu bên thứ ba độc lập chỉ định chủ tịch hội đồng trọng tài sẽ do các Bên tranh chấp cùng đưa ra. Bất kỳ trao đổi tiếp theo nào giữa bất kỳ Bên tranh chấp nào và bên thứ ba độc lập sẽ được sao chép lại cho Bên tranh chấp khác. Không Bên tranh chấp nào được gây ảnh hưởng đến quá trình chỉ định.
 - C. Nếu bên thứ ba không thể hoặc không muốn hoàn thành việc chỉ định theo yêu cầu trong vòng 60 ngày kể từ ngày gửi yêu cầu thành lập hội đồng trọng tài, thì chủ tịch sẽ được chọn trong vòng 5 ngày sau đó bằng việc lựa chọn ngẫu nhiên theo quy định tại điểm 9.2(d)(iv).
- (v) Nếu một danh sách chưa được lập theo Điều 28.10.3 (Trình độ chuyên môn của Trọng tài viên và Thành viên Danh sách), và các điểm từ 2(d)(i) đến (iv) không thể áp dụng, Bên khởi kiện và Bên bị kiện mỗi Bên có thể đề cử ba ứng viên và trọng tài viên thứ ba sẽ được chọn ngẫu nhiên từ các ứng viên đã được đề cử trong vòng 60 ngày kể từ ngày gửi yêu cầu thành lập hội đồng trọng tài theo Điều 28.7.1 (Thành lập Hội đồng trọng tài).
- (vbis) Bất kể quy định của điểm 9.2(d)(v), nếu một danh sách chưa được lập theo Điều 28.10.3 (Trình độ chuyên môn của Trọng tài viên và Thành viên Danh sách), và các điểm từ 2(d)(i) đến (v) không thể áp dụng, bất kỳ Bên tranh chấp nào cũng có thể, tiếp theo việc đề cử các ứng viên theo điểm 9.2(d)(v), bầu chọn chủ tịch hội đồng trọng tài được chỉ định bởi bên thứ ba độc lập từ danh sách các ứng viên được đề cử, nếu đáp ứng các điều kiện sau:
- A. Bất kỳ chi phí nào liên quan đến việc chỉ định sẽ do Bên bầu chọn chịu;
 - B. Yêu cầu bên thứ ba độc lập chỉ định chủ tịch hội đồng trọng tài sẽ do các Bên tranh chấp cùng đưa ra. Bất kỳ trao đổi tiếp theo nào giữa một Bên tranh chấp và bên thứ ba độc lập sẽ được sao chép lại cho Bên tranh chấp khác. Không Bên tranh chấp nào được gây bất kỳ ảnh hưởng đến quá trình chỉ định.

C. Nếu bên thứ ba không thể hoặc không muốn hoàn thành việc chỉ định theo yêu cầu trong vòng 60 ngày kể từ ngày gửi yêu cầu thành lập hội đồng trọng tài, thì chủ tịch sẽ được chọn trong vòng 5 ngày sau đó bằng việc lựa chọn ngẫu nhiên theo quy định tại điểm 9.2(d)(v).

Trừ khi các Bên tranh chấp thỏa thuận khác, chủ tịch hội đồng trọng tài sẽ không phải là công dân của bất kỳ Bên tranh chấp nào hoặc Bên thứ ba.

3. Mỗi Bên tranh chấp sẽ nỗ lực lựa chọn các trọng tài viên có chuyên môn hoặc kinh nghiệm liên quan đến vấn đề tranh chấp, trừ trường hợp tranh chấp phát sinh theo quy định tại Chương 19 (Lao động), 20 (Môi trường) hoặc 26 (Minh bạch hóa và Chống tham nhũng).

4. Ngoài các yêu cầu quy định tại Điều 28.10.1 (Trình độ chuyên môn của Trọng tài viên và Thành viên Danh sách), trong bất kỳ tranh chấp nào phát sinh theo Chương 20 (Môi trường), các trọng tài viên ngoài các trọng tài viên được chọn từ Danh sách hoặc được chỉ định theo các điểm 9.2(d)(i) đến (iii) và (v) sẽ phải có chuyên môn hoặc kinh nghiệm về luật môi trường hoặc thực tiễn.

5. Ngoài các quy định yêu cầu tại Điều 28.10.1 (Trình độ chuyên môn của Trọng tài viên và Thành viên Danh sách), trong bất kỳ tranh chấp nào phát sinh theo Chương 19 (Lao động), các trọng tài viên ngoài những người được chọn từ Danh sách hoặc được chỉ định theo điểm 9.2(d)(i) đến (iii) và (v) sẽ phải có chuyên môn hoặc kinh nghiệm về luật lao động hoặc thực tiễn.

6. Ngoài các quy định yêu cầu tại Điều 28.10.1 (Trình độ chuyên môn của Trọng tài viên và Thành viên Danh sách), trong bất kỳ tranh chấp nào phát sinh theo Mục B của Chương 26 (Minh bạch hóa và Chống tham nhũng), các trọng tài viên ngoài những người được chọn từ Danh sách hoặc được chỉ định theo điểm 9.2(d)(i) đến (iii) và (v) sẽ phải có chuyên môn hoặc kinh nghiệm về luật chống tham nhũng hoặc thực tiễn.

7. Nếu một trọng tài viên được lựa chọn theo điểm 9.2(c) hoặc 9.2(d)(iv) không thể tham gia vào hội đồng trọng tài, các Bên tranh chấp sẽ gặp nhau trong vòng bảy ngày kể từ ngày biết được rằng trọng tài viên đó không thể tham gia để lựa chọn trọng tài viên khác trong số các thành viên còn lại của danh sách (đối với trường hợp của điểm 9.2(c)) hoặc danh sách trọng tài viên (đối với trường hợp của điểm 9.2(d)(iv)).

8. Nếu một trọng tài viên đã được chỉ định theo Điều này từ chức hoặc không thể tham gia vào hội đồng trọng tài, hoặc trong quá trình tổ tụng hoặc tại thời điểm hội đồng trọng tài được triệu tập lại theo Điều 28.19 (Không thực thi - Bồi thường và Tạm ngừng các ưu đãi) hoặc Điều 28.20 (Rà soát việc Tuân thủ), một trọng tài viên thay thế sẽ được chỉ định trong vòng 15 ngày theo các thủ tục lựa chọn quy định tại khoản 2 để chỉ định trọng tài viên ban đầu. Trọng tài viên được thay thế sẽ có tất cả quyền hạn và nhiệm vụ của trọng tài viên ban đầu. Công việc của hội đồng trọng tài sẽ bị tạm ngưng trong lúc chờ bổ nhiệm trọng tài viên thay thế, và toàn bộ các khoảng thời gian quy định tại Chương này và tại Các Quy tắc về Thủ tục sẽ được gia hạn thêm một khoảng thời gian bằng đúng khoảng thời gian tạm ngưng đó.

9. Nếu một Bên tranh chấp tin rằng một trọng tài viên có vi phạm quy tắc ứng xử được nêu tại Điều 28.10(1)(d) (Trình độ chuyên môn của các Trọng tài viên và Thành viên Danh sách), các Bên tranh chấp sẽ tham vấn và nếu các Bên đó đồng ý, thì trọng tài viên đó sẽ bị bãi nhiệm và một trọng tài viên mới sẽ được lựa chọn theo Điều này.

Điều 28.10: Trình độ chuyên môn của các Trọng tài viên và Thành viên Danh sách

Trình độ chuyên môn của các Trọng tài viên

1. Tất cả các trọng tài viên sẽ:
 - (a) phải có chuyên môn hoặc kinh nghiệm về luật, thương mại quốc tế, các vấn đề khác theo Hiệp định này, hoặc việc giải quyết các tranh chấp phát sinh theo các Hiệp định thương mại quốc tế;
 - (b) được lựa chọn chặt chẽ trên cơ sở khách quan, đáng tin cậy, và phán xét hợp lý;
 - (c) phải độc lập, và không bị ảnh hưởng hoặc nhận chỉ dẫn từ bất kỳ Bên nào; và
 - (d) tuân thủ các quy tắc ứng xử nằm trong Các Quy tắc về Thủ tục.
2. Một cá nhân không thể tham gia với tư cách một trọng tài viên đối với tranh chấp mà người này đã từng tham gia theo Điều 28.6 (Môi giới, Trung gian và Hòa giải).

Danh sách các Chủ tịch Hội đồng trọng tài

3. Trong vòng 120 ngày sau khi Hiệp định này có hiệu lực, các Bên mà Hiệp định đã có hiệu lực theo Điều 30.5.1(a) (Hiệu lực) sẽ lập một danh sách được sử dụng để chọn các chủ tịch hội đồng trọng tài.

4. Nếu các Bên không thể lập danh sách này trong thời hạn quy định tại khoản 3, Hội đồng Đối tác Xuyên Thái Bình Dương sẽ triệu tập ngay lập tức để chỉ định các cá nhân cho danh sách. Có tính đến sự giới thiệu theo quy định tại khoản 6 và trình độ chuyên môn quy định tại khoản 1, Hội đồng Đối tác Xuyên Thái Bình Dương sẽ ra quyết định chung thành lập danh sách trong vòng 180 ngày sau khi Hiệp định này có hiệu lực.

5. Danh sách sẽ bao gồm ít nhất 15 cá nhân, trừ khi các Bên có thỏa thuận khác.

6. Mỗi Bên có thể đề cử tối đa hai cá nhân cho danh sách và có thể bao gồm tối đa một công dân của bất kỳ Bên nào trong số các đề cử của mình.

7. Các Bên sẽ chỉ định các cá nhân cho danh sách trên cơ sở đồng thuận. Danh sách có thể bao gồm tối đa một công dân của mỗi Bên.

8. Một khi được lập theo khoản 3 hoặc nếu được lập lại sau khi rà soát bởi các Bên, một danh sách sẽ có hiệu lực trong vòng ít nhất ba năm, và cho đến khi các Bên lập một danh sách mới. Các Thành viên của danh sách có thể được chỉ định lại.

9. Các Bên có thể chỉ định người thay thế bất kỳ lúc nào nếu một thành viên danh sách không còn sẵn sàng hoặc không thể tham gia được.

10. Theo các khoản 6 và 7, các Bên gia nhập có thể đề cử tối đa hai cá nhân cho danh sách bất kỳ lúc nào. Những cá nhân này có thể được đưa vào danh sách trên cơ sở đồng thuận của các Bên.

Danh sách chỉ định cụ thể của các Bên

11. Bất kỳ lúc nào sau ngày Hiệp định này có hiệu lực, một Bên có thể lập một danh sách các cá nhân sẵn sàng và có khả năng đảm nhiệm vị trí trọng tài viên.

12. Danh sách này có thể bao gồm các cá nhân là công dân hoặc không phải là công dân của Bên đó. Mỗi Bên có thể chỉ định số lượng bất kỳ các cá nhân cho danh sách và chỉ định các cá nhân bổ sung hoặc thay thế thành viên danh sách bất kỳ lúc nào.

13. Một Bên mà lập danh sách theo khoản 11 của Điều này sẽ nhanh chóng thông báo cho các Bên khác về danh sách đó.

Điều 28.11: Chức năng của Hội đồng Trọng tài

1. Chức năng của hội đồng trọng tài là đưa ra đánh giá khách quan về vấn đề được đưa ra, bao gồm việc xem xét các tình tiết của vụ kiện và khả năng áp dụng và sự phù hợp với Hiệp định này, và đưa ra kết luận và các khuyến nghị theo yêu cầu trong các điều khoản tham chiếu và cần thiết cho việc giải quyết tranh chấp.

2. Trừ khi các Bên tranh chấp có thỏa thuận khác, hội đồng trọng tài sẽ thực hiện các chức năng của mình và tiến hành các thủ tục tố tụng với cách thức phù hợp với các quy định của Chương này và Các Quy tắc về Thủ tục.

3. Hội đồng trọng tài sẽ xem xét Hiệp định này theo các quy tắc giải thích phù hợp của luật quốc tế như được nêu tại Điều 31 và 32 của *Công ước Viên về Luật Điều ước (1969)*. Ngoài ra, đối với bất kỳ nghĩa vụ của bất kỳ hiệp định WTO nào đã được đưa vào Hiệp định này, hội đồng trọng tài sẽ xem xét các giải thích liên quan trong báo cáo của hội đồng trọng tài và Cơ quan phúc thẩm của WTO thông qua Cơ quan giải quyết tranh chấp trong WTO. Kết luận và các khuyến nghị của hội đồng trọng tài sẽ không thêm hay giảm bớt các quyền và nghĩa vụ của các bên theo Hiệp định này.

4. Hội đồng trọng tài sẽ đưa ra các quyết định bằng đồng thuận, nếu hội đồng trọng tài không thể đạt được sự đồng thuận, thì quyết định có thể được thông qua bằng việc biểu quyết theo đa số.

Điều 28.12: Các Quy tắc về Thủ tục của Hội đồng Trọng tài

1. Các Quy tắc về Thủ tục, được lập ra theo Hiệp định này tại Điều 27.2.1(e), sẽ đảm bảo:

- (a) quyền có ít nhất một buổi điều trần trước hội đồng trọng tài để mỗi Bên tranh chấp có thể nói lên quan điểm của mình;
- (b) theo điểm (f), bất kỳ buổi điều trần nào trước hội đồng trọng tài sẽ được công khai, trừ khi các Bên tranh chấp có thỏa thuận khác;
- (c) cơ hội cho mỗi Bên tranh chấp nộp văn bản tường trình đầu tiên và văn bản phản bác;

- (d) theo điểm (f), mỗi Bên tranh chấp sẽ nỗ lực để công khai bất kỳ văn bản tường trình nào, văn bản ghi lại các tuyên bố bằng lời nói, và văn bản trả lời yêu cầu hoặc câu hỏi từ hội đồng trọng tài, sớm nhất có thể sau khi các văn bản này được đệ trình và nếu các văn bản này chưa sẵn sàng để công khai thì chúng sẽ được công khai ngay khi hội đồng trọng tài đưa ra bản báo cáo cuối cùng;
- (e) hội đồng trọng tài sẽ xem xét các yêu cầu của các tổ chức phi Chính phủ nằm trên lãnh thổ của bất kỳ Bên tranh chấp nào để cung cấp quan điểm bằng văn bản liên quan đến vụ tranh chấp để có thể giúp tòa trọng tài trong việc đánh giá các văn bản đệ trình và lập luận của các bên tranh chấp;
- (f) bảo vệ các thông tin mật;
- (g) việc đệ trình văn bản và tranh luận bằng lời nói sẽ được thực hiện bằng Tiếng Anh, trừ khi các Bên tranh chấp có thỏa thuận khác; và
- (h) trừ khi các Bên tranh chấp có thỏa thuận khác, buổi điều trần sẽ được tổ chức tại thủ đô của Bên bị kiện.

Điều 28.13: Sự tham gia của Bên thứ ba

Một Bên không phải là Bên tranh chấp và có quan tâm đến vấn đề đang được đưa ra hội đồng trọng tài sẽ, thông qua việc gửi một văn bản thông báo cho các Bên tranh chấp, được quyền tham dự tất cả các buổi điều trần, đệ trình văn bản, trình bày quan điểm bằng lời trước hội đồng trọng tài, và nhận văn bản đệ trình từ các Bên tranh chấp. Thông báo bằng văn bản sẽ được thực hiện chậm nhất là 10 ngày kể từ ngày chuyển thông báo yêu cầu thành lập hội đồng trọng tài theo Điều 28.7.2 (Thành lập Hội đồng trọng tài).

Điều 28.14: Vai trò của các Chuyên gia

Theo yêu cầu của một Bên tranh chấp hoặc theo ý kiến riêng của mình, hội đồng trọng tài có thể tìm kiếm thông tin và tư vấn kỹ thuật từ bất kỳ tổ chức, cá nhân hoặc cơ quan nào thích hợp, với điều kiện các Bên tranh chấp đồng ý và tuân theo bất kỳ các điều khoản và điều kiện mà các Bên tranh chấp có thể đồng ý. Các Bên tranh chấp sẽ có cơ hội để bình luận về bất kỳ thông tin hoặc sự tư vấn nào có được theo Điều này.

Điều 28.15: Tạm ngừng hoặc Chấm dứt Thủ tục Tố tụng

1. Hội đồng trọng tài có thể tạm ngừng công việc bất kỳ lúc nào khi có yêu cầu của Bên khởi kiện hoặc, nếu có từ hai Bên khởi kiện trở lên, theo yêu cầu chung của các Bên khởi kiện, trong thời hạn không quá 12 tháng liên tiếp. Hội đồng trọng tài sẽ tạm ngừng công việc bất cứ khi nào có yêu cầu từ các Bên tranh chấp. Trong trường hợp có sự tạm ngừng, toàn bộ khung thời gian liên quan quy định tại Chương này và tại Các Quy tắc về Thủ tục sẽ được gia hạn thêm khoảng thời gian đúng bằng thời gian tạm ngừng. Nếu công việc của hội đồng trọng tài đã được tạm ngừng hơn 12 tháng liên tục, thẩm quyền thành lập hội đồng trọng tài sẽ hết hiệu lực, trừ khi các Bên tranh chấp có thỏa thuận khác.

2. Hội đồng trọng tài sẽ chấm dứt thủ tục tố tụng nếu các Bên tranh chấp cùng yêu cầu như vậy.

Điều 28.16: Báo cáo Ban đầu

1. Báo cáo của hội đồng trọng tài sẽ được soạn thảo mà không có sự hiện diện của các Bên.

2. Hội đồng trọng tài sẽ dựa vào các điều khoản liên quan của Hiệp định này, các bản đề trình và lập luận của các Bên tranh chấp và bất kỳ Bên thứ ba nào, và trên bất kỳ thông tin hoặc sự tư vấn được đưa ra trước đó theo Điều 28.14 (Vai trò của các Chuyên gia). Khi có yêu cầu chung từ các Bên tranh chấp, hội đồng trọng tài có thể đưa ra các khuyến nghị về việc giải quyết tranh chấp.

3. Hội đồng trọng tài sẽ đưa ra báo cáo ban đầu đến các Bên tranh chấp trong vòng 150 ngày kể từ ngày chỉ định trọng tài viên thứ ba. Trong trường hợp khẩn cấp, bao gồm những trường hợp liên quan đến hàng hóa dễ hư hỏng, hội đồng trọng tài sẽ cố gắng đưa ra báo cáo ban đầu đến các Bên tranh chấp trong vòng 120 ngày kể từ ngày chỉ định trọng tài viên cuối cùng.

4. Báo cáo ban đầu sẽ bao gồm:

(a) kết luận về các tình tiết thực tế;

(b) phán quyết của trọng tài về việc liệu:

(i) biện pháp bị tranh chấp có không phù hợp với các nghĩa vụ theo Hiệp định này hay không;

(ii) một Bên đã không thực hiện được nghĩa vụ của mình theo Hiệp định này hay không; hoặc

(iii) biện pháp của một Bên tranh chấp có gây ra sự thiệt hại hoặc xâm hại theo Điều 28.3(c) (Phạm vi) hay không;

- (c) bất kỳ phán quyết khác được yêu cầu trong điều khoản tham chiếu;
- (d) các khuyến nghị, nếu các Bên tranh chấp cùng đưa ra yêu cầu, nhằm giải quyết tranh chấp; và
- (e) các lý do để đưa ra kết luận và phán quyết.

5. Trong trường hợp đặc biệt, nếu hội đồng trọng tài cho rằng không thể đưa ra bản báo cáo ban đầu trong vòng 150 ngày, hoặc trong vòng 120 ngày trong trường hợp khẩn cấp, hội đồng trọng tài sẽ thông báo bằng văn bản lý do trì hoãn cùng với dự kiến thời gian sẽ đưa ra báo cáo tới các Bên tranh chấp. Bất kỳ sự trì hoãn nào sẽ không được vượt quá thời hạn 30 ngày trừ khi các Bên tranh chấp có thỏa thuận khác.

6. Các trọng tài viên có thể đưa ra các ý kiến riêng về vấn đề còn chưa thống nhất.

7. Một Bên tranh chấp có thể đệ trình ý kiến bằng văn bản về báo cáo ban đầu lên hội đồng trọng tài trong vòng 15 ngày kể từ ngày hội đồng trọng tài đưa ra bản báo cáo đó hoặc trong khoảng thời gian khác mà các Bên tranh chấp có thể đồng ý.

8. Sau khi xem xét các bình luận về báo cáo ban đầu, hội đồng trọng tài có thể sửa đổi bản báo cáo này và có thể tiến hành kiểm tra kỹ hơn nếu thấy cần thiết.

Điều 28.17: Báo cáo Cuối cùng

1. Hội đồng trọng tài sẽ đưa ra báo cáo cuối cùng tới các Bên tranh chấp, bao gồm bất kỳ ý kiến riêng nào về vấn đề còn chưa thống nhất, trong vòng 30 ngày kể từ ngày báo cáo ban đầu được đưa ra, trừ khi các Bên tranh chấp có thỏa thuận khác. Các Bên tranh chấp sẽ công khai báo cáo cuối cùng trong 15 ngày sau đó, có tính đến yêu cầu bảo vệ thông tin mật.

2. Không hội đồng trọng tài nào có thể công bố tên các trọng tài viên có quan điểm theo đa số hoặc thiểu số trong cả báo cáo ban đầu và báo cáo cuối cùng,

Điều 28.18: Thực thi Báo cáo Cuối cùng

1. Các Bên thừa nhận tầm quan trọng của việc tuân thủ kịp thời các phán quyết của hội đồng trọng tài theo Điều 28.17 (Báo cáo Cuối cùng) nhằm đạt được mục đích của các thủ tục giải quyết tranh chấp trong Chương này, là để đảm bảo một giải pháp tích cực cho các tranh chấp.

2. Nếu trong báo cáo cuối cùng, hội đồng trọng tài xác định rằng:
 - (a) biện pháp bị tranh chấp không phù hợp với các nghĩa vụ của một Bên theo Hiệp định này;
 - (b) hoặc một Bên không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của Hiệp định này; hoặc
 - (c) biện pháp của một Bên đang triệt tiêu hoặc xâm hại theo quy định của Điều 28.3(c) (Phạm vi),

Bên bị kiện sẽ, bất cứ khi nào có thể, xóa bỏ các biện pháp không phù hợp hoặc gây triệt tiêu hoặc xâm hại.

3. Trừ khi các Bên tranh chấp có thỏa thuận khác, Bên bị kiện sẽ có một khoảng thời gian hợp lý, trong trường hợp không thực hiện được ngay, để xóa bỏ các biện pháp không phù hợp hoặc gây triệt tiêu hoặc xâm hại.

4. Các Bên tranh chấp sẽ nỗ lực để thỏa thuận trong một khoảng thời gian hợp lý. Trong trường hợp các Bên tranh chấp không thỏa thuận được một khoảng thời gian hợp lý trong vòng 45 ngày kể từ ngày hội đồng trọng tài đưa ra bản báo cáo cuối cùng theo Điều 28.17.1 (Báo cáo Cuối cùng), bất cứ bên tranh chấp nào có thể, trong vòng 60 ngày kể từ ngày hội đồng trọng tài đưa ra bản báo cáo cuối cùng theo Điều 28.17.1 (Báo cáo Cuối cùng), đưa vấn đề này lên chủ tịch hội đồng trọng tài để xác định khoảng thời gian phù hợp.

5. Chủ tịch hội đồng trọng tài sẽ xem xét để hướng dẫn rằng khoảng thời gian thích hợp không nên quá 15 tháng kể từ khi hội đồng trọng tài đưa ra bản báo cáo cuối cùng cho các Bên tranh chấp theo Điều 28.17.1 (Báo cáo Cuối cùng). Tuy nhiên, tùy thuộc vào từng trường hợp cụ thể thì khoảng thời gian này có thể ngắn hoặc dài hơn.

6. Chủ tịch hội đồng trọng tài sẽ xác định khoảng thời gian thích hợp trong vòng 90 ngày kể từ ngày đệ trình lên chủ tịch hội đồng trọng tài theo khoản 4.

7. Các Bên tranh chấp có thể đồng ý thay đổi các thủ tục quy định tại các khoản 4 đến 6 của Điều này để xác định khoảng thời gian thích hợp.

Điều 28.19: Không Thực thi – Bồi thường và Tạm ngừng các Ưu đãi

1. Nếu có yêu cầu của Bên hoặc các Bên khởi kiện, Bên bị kiện sẽ tiến hành

đàm phán với Bên hoặc các Bên khởi kiện trong vòng 15 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu đó, với quan điểm đạt được thỏa thuận chung về bồi thường, trong những trường hợp sau:

- (a) Bên bị kiện đã thông báo cho Bên hoặc các Bên khởi kiện rằng không có ý định xóa bỏ các biện pháp không phù hợp hoặc gây triệt tiêu hoặc xâm hại; hoặc
- (b) sau khi kết thúc khoảng thời gian hợp lý được quy định theo Điều 28.18 (Thực thi Báo cáo Cuối cùng), không có sự thống nhất giữa các Bên tranh chấp về việc liệu Bên bị kiện đã xóa bỏ các biện pháp không phù hợp hoặc gây triệt tiêu hoặc xâm hại hay không.

2. Bên khởi kiện có thể tạm ngừng các ưu đãi theo quy định tại khoản *2bis* nếu Bên khởi kiện đó và Bên bị kiện:

- (a) không thể thống nhất việc bồi thường trong vòng 30 ngày sau khi giai đoạn yêu cầu bồi thường bắt đầu; hoặc
- (b) đạt được thỏa thuận về bồi thường nhưng Bên khởi kiện liên quan cho rằng Bên bị kiện chưa tuân thủ các điều khoản của thỏa thuận.

2bis. Một Bên khởi kiện có thể bất kỳ lúc nào sau khi các điều kiện quy định tại khoản 2 được đáp ứng liên quan đến Bên khởi kiện đó, gửi thông báo bằng văn bản cho Bên bị kiện về ý định tạm ngừng áp dụng cho Bên bị kiện các ưu đãi có tác động tương đương. Thông báo sẽ chỉ rõ mức độ của các ưu đãi mà Bên khởi kiện đề xuất tạm ngừng². Bên khởi kiện có thể bắt đầu tạm ngừng các ưu đãi trong 30 ngày kể từ ngày tiếp sau ngày gửi thông báo theo quy định của khoản này hoặc ngày hội đồng trọng tài đưa ra phán quyết theo quy định tại khoản 5, tùy theo từng trường hợp.

3. Bồi thường, tạm ngừng các ưu đãi và việc thanh toán một khoản tiền ấn định sẽ là những biện pháp tạm thời. Không một biện pháp nào trong số các biện pháp trên được ưu tiên hơn việc thực thi đầy đủ thông qua xóa bỏ các biện pháp không phù hợp hoặc gây triệt tiêu hoặc xâm hại. Bồi thường, tạm ngừng các ưu đãi và việc thanh toán một khoản tiền ấn định sẽ chỉ được áp dụng cho đến khi Bên bị kiện đã xóa bỏ các biện pháp không phù hợp hoặc gây triệt tiêu hoặc xâm hại hoặc một giải pháp thỏa đáng lẫn nhau đạt được.

4. Khi xem xét lợi ích nào để tạm ngừng theo khoản 2, Bên khởi kiện sẽ áp dụng các nguyên tắc và thủ tục sau đây:

- (a) Bên khởi kiện trước tiên sẽ tạm ngừng ưu đãi trong cùng lĩnh vực của vấn đề mà hội đồng trọng tài đã kết luận không phù hợp hoặc gây triệt tiêu hoặc xâm hại;
- (b) nếu Bên khởi kiện cho rằng việc tạm ngừng ưu đãi là không khả thi hoặc hiệu quả trong cùng một lĩnh vực, và trong những trường hợp đủ nghiêm trọng, Bên khởi kiện có thể tạm ngừng ưu đãi trong một lĩnh vực khác. Trong thông báo bằng văn bản tại khoản 2, Bên khởi kiện sẽ chỉ rõ lý do của quyết định tạm ngừng các ưu đãi ở lĩnh vực khác; và
- (c) khi áp dụng các nguyên tắc quy định tại các điểm (a) và (b), Bên khởi kiện sẽ tính đến:
 - (i) thương mại hàng hóa, cung cấp dịch vụ hoặc các lĩnh vực khác mà hội đồng trọng tài đã chỉ ra sự không phù hợp hoặc gây triệt tiêu hoặc xâm hại, và tầm quan trọng của lĩnh vực thương mại đó đối với Bên khởi kiện;
 - (ii) hàng hóa, toàn bộ các dịch vụ tài chính theo quy định tại Chương 11 (Dịch vụ Tài chính), các dịch vụ khác ngoài dịch vụ tài chính và mỗi phần trong Chương 18 (Sở hữu Trí tuệ), là các lĩnh vực khác nhau; và
 - (iii) các yếu tố kinh tế rộng hơn liên quan đến các biện pháp gây triệt tiêu hoặc xâm hại và những hậu quả kinh tế lớn hơn của việc tạm ngừng các ưu đãi.

5. Nếu Bên bị kiện cho rằng:

- (a) mức độ ưu đãi được đề xuất tạm ngừng là hoàn toàn quá mức hoặc Bên khởi kiện không tuân thủ các nguyên tắc hoặc thủ tục quy định tại khoản 4; hoặc
- (b) Bên bị kiện đã xóa bỏ các biện pháp được hội đồng trọng tài xác định là không phù hợp hoặc gây triệt tiêu hoặc xâm hại;

thì Bên bị kiện có thể, trong vòng 30 ngày sau khi Bên khởi kiện gửi thông báo theo khoản 2, yêu cầu hội đồng trọng tài họp lại để xem xét vấn đề đó. Bên bị kiện sẽ gửi yêu cầu bằng văn bản tới Bên khởi kiện. Hội đồng trọng tài sẽ họp lại sớm

nhất có thể sau khi nhận được yêu cầu và sẽ đưa ra phán quyết đối với các Bên tranh chấp trong vòng 90 ngày sau khi nhóm họp lại để xem xét một yêu cầu theo điểm (a) hoặc (b), hoặc trong vòng 120 ngày đối với một yêu cầu theo các điểm (a) và (b). Nếu hội đồng trọng tài xác định rằng mức độ ưu đãi mà Bên khởi kiện đề xuất tạm ngừng là hoàn toàn quá mức, thì hội đồng trọng tài sẽ quyết định mức độ ưu đãi mà hội đồng cho rằng có tác động tương đương.

6. Trừ khi hội đồng trọng tài đã xác định Bên bị kiện đã xóa bỏ các biện pháp không phù hợp hoặc gây triệt tiêu hoặc xâm hại, Bên khởi kiện có thể tạm ngừng các ưu đãi đến mức mà hội đồng trọng tài đã xác định theo khoản 5 hoặc, nếu hội đồng trọng tài chưa xác định được mức độ, đến mức mà Bên khởi kiện đã đề xuất tạm ngừng theo khoản 2*bis*. Nếu hội đồng trọng tài xác định Bên khởi kiện vẫn chưa tuân thủ các nguyên tắc và thủ tục quy định tại khoản 4, hội đồng trọng tài sẽ quy định trong phán quyết mức độ mà Bên khởi kiện có thể tạm ngừng các ưu đãi trong lĩnh vực nào để đảm bảo sự phù hợp hoàn toàn với các nguyên tắc và thủ tục quy định tại khoản 4. Bên khởi kiện chỉ có thể tạm ngừng các ưu đãi theo cách thức phù hợp với phán quyết của trọng tài.

7. Bên khởi kiện không được tạm ngừng các ưu đãi nếu Bên bị kiện gửi thông báo bằng văn bản tới Bên khởi kiện rằng Bên bị kiện sẽ trả một khoản tiền trong vòng 30 ngày kể từ ngày gửi thông báo bằng văn bản về ý định tạm ngừng các ưu đãi hoặc, trong vòng 20 ngày kể từ khi có phán quyết của trọng tài nếu hội đồng trọng tài được họp lại theo quy định tại khoản 5. Các Bên tranh chấp sẽ tham vấn, bắt đầu chậm nhất sau mười ngày kể từ ngày mà Bên bị kiện gửi thông báo nêu rõ ý định trả tiền, để đạt được thỏa thuận về khoản tiền. Nếu các Bên không thể đạt được thỏa thuận trong vòng 30 ngày sau khi tham vấn bắt đầu và không tham gia thảo luận về việc sử dụng quỹ theo quy định tại khoản 8, toàn bộ khoản tiền sẽ được quy định ở một mức nhất định, bằng đô-la Mỹ, tương ứng với 50% mức độ các ưu đãi mà hội đồng trọng tài đã xác định theo khoản 5 là có tác động tương đương, hoặc nếu hội đồng trọng tài chưa xác định được mức độ đó, là 50% của mức mà Bên khởi kiện đã đề xuất tạm ngừng theo khoản 2.

8. Nếu khoản tiền ấn định được trả cho Bên khởi kiện, thì sẽ được thanh toán bằng đô-la Mỹ, hoặc một khoản tương đương bằng đồng tiền của Bên bị kiện hoặc bằng ngoại tệ khác tương đương mà các Bên tranh chấp thỏa thuận với nhau, thanh toán dần cứ ba tháng một lần bắt đầu từ 60 ngày kể từ ngày Bên bị kiện đưa ra thông báo ý định trả khoản tiền đó. Nếu trong trường hợp đảm bảo, các Bên tranh chấp có thể quyết định khoản tiền ấn định sẽ được trả vào một quỹ được chỉ định bởi các Bên tranh chấp cho những khởi đầu phù hợp để tạo thuận lợi hóa thương mại giữa các Bên, bao gồm thông qua việc tiếp tục giảm bớt các rào cản thương mại bất hợp lý hoặc bằng cách hỗ trợ Bên bị kiện thực hiện các nghĩa vụ của mình

theo các quy định của Hiệp định này.

9. Cùng lúc với việc thanh toán theo quý lần đầu, Bên bị kiện sẽ gửi cho Bên khởi kiện một bản kế hoạch về các bước mà Bên bị kiện có ý định thực hiện để xóa bỏ biện pháp không phù hợp hoặc gây triệt tiêu hoặc xâm hại.

10. Bên bị kiện có thể sẽ trả khoản tiền ấn định thay vì để Bên khởi kiện tạm ngừng các ưu đãi, trong vòng tối đa 12 tháng kể từ ngày Bên bị kiện gửi thông báo bằng văn bản theo quy định của khoản 7 trừ khi Bên khởi kiện đồng ý gia hạn.

11. Bên bị kiện muốn gia hạn sẽ gửi thông báo bằng văn bản chậm nhất 30 ngày trước khi kết thúc thời hạn 12 tháng. Các Bên tranh chấp sẽ xác định độ dài và các kỳ hạn của bất kỳ sự gia hạn nào, bao gồm cả khoản tiền ấn định.

12. Bên khởi kiện có thể tạm ngừng việc áp dụng các ưu đãi đối với Bên bị kiện theo khoản 6, nếu:

- (a) Bên bị kiện không thực hiện việc thanh toán hoặc không thực hiện việc thanh toán theo quy định tại khoản 13 sau khi chọn lựa làm như vậy;
- (b) Bên bị kiện không gửi kế hoạch theo quy định tại khoản 9; hoặc
- (c) thời hạn khoản tiền ấn định, bao gồm bất kỳ sự gia hạn nào, đã hết và Bên bị kiện vẫn chưa xóa bỏ các biện pháp không phù hợp hoặc gây triệt tiêu hoặc xâm hại.

13. Nếu Bên bị kiện thông báo cho Bên khởi kiện theo khoản 7 về khả năng sử dụng quỹ và các Bên tranh chấp vẫn chưa thỏa thuận được việc sử dụng quỹ trong vòng ba tháng kể từ ngày Bên bị kiện gửi thông báo, và thời hạn này vẫn chưa được gia hạn theo thỏa thuận của các Bên tranh chấp, Bên bị kiện có thể lựa chọn thanh toán khoản tiền tương đương 50% tổng số tiền được xác định theo khoản 5. Nếu sự lựa chọn này được đưa ra, việc thanh toán phải được thực hiện trong vòng chín tháng kể từ ngày Bên bị kiện gửi thông báo theo khoản 7, bằng đô-la Mỹ hoặc mức tương đương bằng đồng tiền của Bên bị kiện hoặc ngoại tệ khác được thỏa thuận giữa các Bên tranh chấp. Nếu sự lựa chọn không được đưa ra, Bên khởi kiện có thể tạm ngừng việc áp dụng các ưu đãi theo mức được xác định theo khoản 5 vào cuối giai đoạn lựa chọn.

14. Bên khởi kiện sẽ xem xét trên cơ sở thiện chí đối với thông báo của Bên bị kiện liên quan đến khả năng sử dụng quỹ theo quy định tại các khoản 8 và 13.

Điều 28.20: Rà soát việc Tuân thủ

1. Không ảnh hưởng đến các thủ tục tại Điều 28.19 (Không thực thi – Bồi thường và Tạm ngừng các ưu đãi), nếu Bên bị kiện cho rằng đã xóa bỏ các biện pháp không phù hợp hoặc gây triệt tiêu hoặc xâm hại được quyết định bởi hội đồng trọng tài, thì Bên bị kiện có thể đưa vấn đề lên hội đồng trọng tài thông qua việc gửi thông báo bằng văn bản tới Bên hoặc các Bên khởi kiện. Hội đồng trọng tài sẽ đưa ra báo cáo về vấn đề đó trong vòng 90 ngày kể từ ngày Bên bị kiện gửi thông báo bằng văn bản.

2. Nếu hội đồng trọng tài quyết định rằng Bên bị kiện đã xóa bỏ các biện pháp không phù hợp hoặc gây triệt tiêu hoặc xâm hại, thì Bên hoặc các Bên khởi kiện sẽ nhanh chóng khôi phục lại bất kỳ ưu đãi nào đã tạm ngừng theo Điều 28.19 (Không thực thi – Bồi thường và Tạm ngừng các Ưu đãi).

Mục B: Thủ tục Tố tụng Trong nước và Giải quyết Tranh chấp Thương mại Tư

Điều 28.21: Các Quyền Riêng

Không Bên nào được quy định quyền hành động theo luật trong nước để chống lại bất kỳ Bên nào khác với lý do một biện pháp của Bên khác không phù hợp với các nghĩa vụ của Bên đó theo Hiệp định này, hoặc Bên khác đã không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo Hiệp định này.

Điều 28.23: Giải pháp Giải quyết Tranh chấp Khác

1. Mỗi Bên sẽ, cố gắng hết mức có thể, để khuyến khích và tạo thuận lợi đối với việc sử dụng trọng tài và các phương thức giải quyết tranh chấp khác cho việc giải quyết các tranh chấp thương mại quốc tế giữa các bên tư nhân trong khu vực tự do hóa thương mại.

2. Nhằm mục đích này mỗi Bên sẽ quy định các thủ tục phù hợp để đảm bảo

tuân thủ các thỏa thuận để phân xử và công nhận và thi hành phán quyết của trọng tài trong các tranh chấp đó.

3. Một Bên sẽ được coi là tuân thủ quy định tại khoản 2 nếu Bên đó là một Bên và tuân thủ *Công ước của Liên hợp quốc về Công nhận và Thi hành các Phán quyết Trọng tài Nước ngoài* năm 1958.